

Số: 1076 /QĐ-VHL

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy định định mức hệ số công lao động cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chi quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

CHỦ TỊCH
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 108/2012 /NĐ-CP ngày 25/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định định mức hệ số công lao động cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chi quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015. Những quy định trước đây trái với quy định tại Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính, Trưởng Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ, Trưởng Ban Hợp tác quốc tế, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và các cán bộ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Viện Hàn lâm;
- Website Viện Hàn lâm;
- Lưu: VT, KHTC, DTH.65.

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Công

QUY ĐỊNH

Định mức hệ số công lao động cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chi quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

*(Kèm theo Quyết định số 1076/QĐ-VHL ngày 30 / 6 /2015
của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)*

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

a) Đối tượng áp dụng

Các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

b) Phạm vi áp dụng

- Nhiệm vụ KHCN

+ Các nhiệm vụ KHCN cấp Viện Hàn lâm (nhiệm vụ thuộc các hướng khoa học và công nghệ ưu tiên, độc lập, độc lập trẻ,...). Đối với nhiệm vụ KHCN tài trợ bởi nguồn vốn ODA, NGO, Hợp tác quốc tế, Hợp tác với ngành địa phương áp dụng theo thoả thuận riêng. Nếu không có thoả thuận riêng thì áp dụng theo định mức tại quyết định này;

+ Đối với các nhiệm vụ khác, nếu chưa có quy định về định mức thì được quyền áp dụng định mức tại quyết định này.

- Kinh phí

+ Kinh phí chi quản lý các nhiệm vụ cấp Viện Hàn lâm, lấy từ kinh phí hoạt động của Viện Hàn lâm;

+ Kinh phí nghiệm thu cấp cơ sở của các nhiệm vụ cấp Viện Hàn lâm được lập trong dự toán của nhiệm vụ.

+ Kinh phí quản lý các nhiệm vụ cấp cơ sở lấy từ kinh phí hoạt động của đơn vị;

2. Phân nhóm nhiệm vụ KHCN

- Nhóm 1: Là các nhiệm vụ KHCN có tổng kinh phí thực hiện (phần Viện Hàn lâm KHCNVN) \leq 300 triệu đồng;

- Nhóm 2: Là các nhiệm vụ KHCN có tổng kinh phí thực hiện (phần Viện Hàn lâm KHCNVN) $>$ 300 triệu đồng và $<$ 1.000 triệu đồng;

- Nhóm 3: Là các nhiệm vụ KHCN có tổng kinh phí thực hiện (phần Viện Hàn lâm KHCNVN) \geq 1.000 triệu đồng.



3. Hệ số công lao động cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ

Định mức về hệ số công lao động theo chức danh được sử dụng để tính tiền công trực tiếp của các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ KHCN. Tiền công lao động trực tiếp được tính theo ngày công theo chức danh của từng thành viên. Các thành viên được phân theo chức danh: Chủ nhiệm nhiệm vụ; Thành viên chính và Thư ký khoa học; Thành viên; Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

Tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

$$Tc = Lcs \times Hsten \times Snc$$

Trong đó:

- + **Tc**: Tiền công của chức danh;
- + **Lcs**: Lương cơ sở do Nhà nước quy định;
- + **Hsten**: Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 1 dưới đây;
- + **Snc**: Số ngày công của từng chức danh.

Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam được thể hiện tại Bảng 1.

Bảng 1. Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Viện Hàn lâm

STT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (H_{cd})	Hệ số lao động khoa học (H_{kh})	Hệ số tiền công theo ngày $H_{sten}=(H_{cd} \times H_{kh})/22$
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	6,92	2,5	0,79
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	5,42	2,0	0,49
3	Thành viên	3,66	1,5	0,25
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,86	1,2	0,16

Đối với các nhiệm vụ cấp cơ sở: Các đơn vị căn cứ vào định mức quy định tại quyết định này và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị để áp dụng và không vượt quá định mức quy định tại Bảng 1 nêu trên.

4. Định mức chi quản lý nhiệm vụ

Định mức chi quản lý nhiệm vụ được áp dụng cho:

- Các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ;

- Các Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ; Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ nhiệm vụ (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ);

- Các Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu);

- Các Tổ thẩm định nội dung, tài chính các nhiệm vụ (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định tài chính);

- Hội đồng đánh giá giữa kỳ;

- Thuê chuyên gia tư vấn độc lập;

- Hội đồng tự đánh giá kết quả nhiệm vụ (Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở).

Mức chi cho các hoạt động quản lý nhiệm vụ KH-CN được nêu trong Bảng 2

Bảng 2. Định mức chi quản lý nhiệm vụ

Đơn vị: nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi cho nhiệm vụ		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
1	Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ				
1.1	Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ do Hội đồng Khoa học ngành được giao thực hiện				
<i>a)</i>	<i>Chi họp Hội đồng</i>	<i>Buổi họp</i>			
	Chủ tịch hội đồng			600	
	Thành viên, thư ký khoa học			400	
	Thư ký hành chính			200	
	Đại biểu tham dự			100	
<i>b)</i>	<i>Chi xây dựng đầu bài để công bố</i>	<i>Đầu bài</i>		500	
1.2	Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ do Chủ tịch Viện quyết định thành lập				
<i>a)</i>	<i>Chi họp Hội đồng</i>	<i>Hội đồng</i>			
	Chủ tịch hội đồng			700	
	Thành viên, thư ký khoa học			500	
	Thư ký hành chính			200	
	Đại biểu tham dự			100	
<i>b)</i>	<i>Chi nhận xét đánh giá (nếu có)</i>				
	<i>Trường hợp có 01 hồ sơ đề xuất:</i>	<i>01 Phiếu nhận xét</i>			
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện trong Hội đồng			300	
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội			200	

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi cho nhiệm vụ		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
	đồng				
	<i>Trường hợp có 02 hồ sơ đề xuất:</i>	<i>02 Phiếu nhận xét</i>			
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện trong Hội đồng			450	
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng			300	
	<i>Trường hợp có từ 03 hồ sơ đề xuất trở lên:</i>	<i>Các Phiếu nhận xét</i>			
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện trong Hội đồng			600	
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng			400	
2	Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ				
<i>a)</i>	<i>Chi họp Hội đồng</i>	<i>Hội đồng</i>			
	Chủ tịch hội đồng		750	750	1,000
	Thành viên, thư ký khoa học		500	500	700
	Thư ký hành chính		200	200	300
	Đại biểu tham dự		100	100	100
<i>b)</i>	<i>Chi nhận xét đánh giá (*)</i>				
	<i>Trường hợp có 01 hồ sơ đề xuất:</i>	<i>01 Phiếu nhận xét</i>			
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện trong Hội đồng			400	600
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng			300	400
	<i>Trường hợp có 02 hồ sơ đề xuất:</i>	<i>02 Phiếu nhận xét</i>			
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện trong Hội đồng			600	900
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng			450	600
	<i>Trường hợp có từ 03 hồ sơ đề xuất trở lên:</i>	<i>Các Phiếu nhận xét</i>			
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện trong Hội đồng			800	1.200

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi cho nhiệm vụ		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng			600	800
3	Tổ thẩm định tài chính				
	<i>Chi hợp tổ thẩm định tài chính</i>	<i>Nhiệm vụ</i>			
	Tổ trưởng tổ thẩm định		300	400	600
	Thành viên tham gia		200	300	400
	Thư ký hành chính		150	200	300
	Đại biểu tham dự		100	100	100
4	Hội đồng đánh giá giữa kỳ (*)				
	Trong trường hợp cần thiết Chủ tịch Viện quyết định thành lập Hội đồng đánh giá giữa kỳ.				
<i>a)</i>	<i>Chi hợp Hội đồng</i>	<i>Hội đồng</i>			
	Chủ tịch hội đồng			400	500
	Thành viên, thư ký khoa học			250	350
	Thư ký hành chính			150	150
	Đại biểu tham dự			100	100
<i>b)</i>	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	<i>01 Phiếu nhận xét</i>			
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện trong Hội đồng			200	300
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng			150	200
5	Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu				
<i>a)</i>	<i>Chi hợp Hội đồng</i>	<i>Hội đồng</i>			
	Chủ tịch hội đồng		750	750	1,000
	Thành viên, thư ký khoa học		500	500	700
	Thư ký hành chính		200	200	300
	Đại biểu tham dự		100	100	100
<i>b)</i>	<i>Chi nhận xét đánh giá (*)</i>	<i>Phiếu nhận xét</i>			
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện trong Hội đồng			400	600
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng			300	400
<i>c)</i>	<i>Khảo nghiệm kết quả trước nghiệm thu (*)</i>				
	Trong trường hợp cần thiết, trên cơ sở kiến nghị của Chủ tịch Hội đồng tư vấn				

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi cho nhiệm vụ		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
	đánh giá nghiệm thu, Chủ tịch Viện quyết định thành lập tổ chuyên gia để khảo nghiệm kết quả trước khi nghiệm thu. Tổ chuyên gia phải có báo cáo kết quả khảo nghiệm phục vụ cho việc đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ.				
	<i>Chi hợp tổ chuyên gia</i>	<i>Tổ chuyên gia</i>			
	Tổ trưởng			400	500
	Thành viên			300	400
	Thư ký hành chính			150	200
	Đại biểu tham dự			100	100
6	Thuê chuyên gia tư vấn độc lập Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Viện quyết định thuê chuyên gia tư vấn độc lập để đánh giá nhiệm vụ. Số lượng chuyên gia tối đa cho 01 nhiệm vụ là 03 chuyên gia. Các chuyên gia phải có báo cáo kết quả đánh giá nhiệm vụ gửi Chủ tịch Viện.				
	Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập khi xác định nhiệm vụ	Chuyên gia	900		
	Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập khi đánh giá hồ sơ, nghiệm thu kết quả (*)	Chuyên gia		1,000	1,400
7	Hội đồng tự đánh giá kết quả nhiệm vụ cấp Viện Hàn lâm (Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở)				
<i>a)</i>	<i>Chi hợp Hội đồng</i>	<i>Hội đồng</i>			
	Chủ tịch hội đồng		750	750	1,000
	Thành viên, thư ký khoa học		500	500	700
	Thư ký hành chính		200	200	300
	Đại biểu tham dự		100	100	100
<i>b)</i>	<i>Chi nhận xét đánh giá (*)</i>	<i>Phiếu nhận xét</i>			
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện trong Hội đồng			400	600
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng			300	400

(*) Không áp dụng đối với các nhiệm vụ Nhóm 1.



CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Công